

SINH THÁI MÔI TRƯỜNG TRONG VĂN XUÔI ĐOÀN GIỎI

Nguyễn Thị Quế Vân¹, Lâm Hoàng Phúc²

¹Trường THPT Marie Curie, TP.HCM

²Sinh viên Trường ĐHSP TP.HCM

quevanmc@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 02/02/2017; Ngày duyệt đăng: 27/03/2017

TÓM TẮT

Từ việc phê phán huyền thoại về “nhân loại trung tâm luận”, các nhà phê bình sinh thái đưa ra quan điểm về “tự nhiên trung tâm luận”. Dấu vết của các vấn đề sinh thái là một phương diện chính yếu kiến tạo sự độc sáng về phong cách, sự vượt trước về tư tưởng nhân văn trong các sáng tác thuộc thể loại truyện của Đoàn Giỏi. Bài viết bước đầu tái dựng con đường giải huyền thoại của nhà văn đối với quan niệm “nhân loại trung tâm luận” của chủ nghĩa nhân văn, tiến đến “trái đất trung tâm luận” hay “tự nhiên trung tâm luận” của phê bình sinh thái. Đây cũng là cơ sở quan trọng khẳng định tính thời sự, cấp thiết của sáng tác Đoàn Giỏi trong đời sống Việt Nam đương đại.

Từ khóa: sinh thái, môi trường, phê bình sinh thái, con người, tự nhiên, nhân loại trung tâm luận, tự nhiên trung tâm luận, truyện, Đoàn Giỏi.

ABSTRACT

The environmental ecology in Đoàn Giỏi's Work

From criticising the myth of “anthropocentric”, eco-critics bring out the point of view about “ecocentrism”. The trace of ecological issues is one of the major sides in pertaining such an unique technique, an advanced mindset of humanities in all kinds of Đoàn Giỏi's stories. The article initially rebuilds legendary trail from his conception “anthropocentric” of humanism to “geocentrism” or “ecocentrism” of ecology criticism. This is also a crucial basis affirming the topicality and the imperiousness of Đoàn Giỏi's works in contemporary life of Vietnam.

Keywords: ecology, environment, ecology criticism, human, nature, anthropocentric, ecocentrism, story, Đoàn Giỏi.

1. Phê bình sinh thái - một con đường giải huyền thoại

Khi xuất bản cuốn *Những huyền thoại* (1957), Roland Barthes đã đưa ra khái niệm huyền thoại (myth) như một “siêu ngôn ngữ” (meta-language) mà ở đó ký hiệu trở thành đối tượng bị nắm bắt để huyền thoại xây dựng một hệ thống riêng, “trống rỗng” và “không có lịch sử”. Cái biểu đạt của huyền thoại được tạo thành từ “một nghĩa vạch sẵn”, là một tiền giả định “không cần vào đâu được” [8, tr. 386-388], khiến người ta chỉ chấp nhận mà không truy vấn: “Bất cứ điều gì được xem là “tự nhiên” hoá ra đều là sản phẩm cấu tạo của con người trong một thời điểm lịch sử nhất định nào đó nhưng nguồn gốc của chúng đã bị quên lãng” [2].

Chủ nghĩa nhân văn, với quan điểm “nhân

loại trung tâm luận”, bắt đầu từ khi những mầm mống của trào lưu văn hóa Phục hưng, từ Rabelais với triết học về sự giáo dục con người nhằm mục đích rèn luyện “óc phê phán và lòng yêu kinh nghiệm cá nhân” đến quan niệm “mỗi người mang dạng thức toàn vẹn của thân phận con người” (*Tiểu luận*, III, 2) và đỉnh cao là Shakespeare: “Kỳ diệu thay con người... Thật là vẻ đẹp của thế gian, kiểu mẫu của muôn loài” (*Hamlet*) đã đặt con người vào vị trí trung tâm của thế gian. Triết học Ánh sáng đặt lý trí con người vào vị trí trung tâm, đưa quan niệm “tự nhiên” về gần với lý tính. Rousseau tuyên bố rằng con người phải trở về với tự nhiên và “người man rợ cao quý”, đối tượng chưa bị “nền văn minh” làm cho hư hỏng trở thành hình mẫu Rousseau hướng tới [6]. Như thế, ngay khi bước ra khỏi đêm trường

trung cổ, từ chỗ Thượng đế trung tâm luận, chúng ta đã chuyển hướng sang Nhân loại trung tâm luận và từ đó mặc nhiên xem vị trí trung tâm của con người như một điều hiển nhiên – một huyền thoại. Điều này vốn đã được Nietzsche dự báo trong những sáng tác của ông. Nietzsche cho rằng Thượng đế ngày nay (thế kỷ XIX) đã trở thành một biểu tượng và khi con người lật đổ Thượng đế, nó sẽ rơi vào cảnh thay thế Thượng đế. Nói như Evelyne Grossman: “Một thứ thần học lộn ngược” [3] – thay Thượng đế bằng con người và tất cả lại như cũ.

Các nhà phê bình sinh thái phê phán kịch liệt huyền thoại về chủ nghĩa nhân văn hay “nhân loại trung tâm luận”, đưa ra quan điểm về “tự nhiên trung tâm luận”. Động cơ hình thành chủ nghĩa phê bình sinh thái không phải từ tư duy thuần túy của con người mà chính từ “những áp lực đương đại” [5]. Những năm 1970, với sự suy thoái của tài nguyên môi trường, sự tuyệt chủng ngày một tăng cao của các loài động vật, sự sa mạc hóa rừng và biển ngày càng lan rộng, sự biến đổi khí hậu... đi kèm theo đó là những hậu quả nghiêm trọng tác động trực tiếp đến đời sống của con người – tất cả điều đó đặt ra một câu hỏi lớn cho nhân loại: liệu chúng ta có thật sự là trung tâm của thế giới, hay chúng ta chỉ là một bộ phận của thế giới và không ngừng chịu sự chi phối từ các mối quan hệ nguyên thủy với thế giới? Chủ nghĩa phê bình sinh thái chuyển sự quan tâm của con người từ các vấn đề xã hội (giới tính, chủng tộc, các nước thuộc địa...) sang xem xét mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Thuật ngữ phê bình sinh thái (Ecological criticism) được định nghĩa bởi 16 nhà nghiên cứu trong cuộc gặp gỡ năm 1994 của Liên hiệp văn học phương Tây (Western Literature Association – WLA) ở thành phố Salt Lake. Tuy quan điểm của mỗi người có đôi chỗ khác nhau, song tất cả đều có chung những luận điểm cơ bản: (1) phê bình sinh thái tiến hành tìm hiểu về thế giới của cái phi-nhân (world nonhuman) và mối quan hệ của chúng ta với thế giới đó, nhất là trong thời đại môi trường bị tàn phá. (2) phê bình sinh thái là một hướng tiếp cận đa văn hóa (multicultural). Glotfely đưa ra một số hướng tiếp cận của phê bình sinh thái: “*Thiên nhiên được biểu hiện thế nào trong các bài thơ sonnet? Bối*

cảnh vật chất đóng vai trò gì đối với cốt truyện của một cuốn tiểu thuyết? Những giá trị đạo đức được biểu hiện trong một vở kịch có gắn kết với một nhận thức sinh thái nào hay không? Những ẩn dụ chúng ta thường sử dụng khi nói về một vùng đất có ảnh hưởng như thế nào đến cách chúng ta cư xử với nó? Có thể xem các văn bản theo lối viết tự nhiên mang đặc trưng của một thể loại văn học hay không?...” [5]. Tuy nhiên, cho dù tiếp cận bằng quan điểm nào, góc nhìn nào, các nhà phê bình theo chủ nghĩa phê bình sinh thái cũng đi sâu khám phá mối quan hệ của con người đối với thế giới ngoài con người, thế giới phi nhân của tự nhiên. Thế giới đó bao gồm tất cả các thành tố như đất đai, sông ngòi, các loài động – thực vật... Đối tượng trung tâm của chủ nghĩa phê bình sinh thái không phải là tự nhiên với tư cách là một đối tượng sinh học thuần túy, mà tập trung vào vị trí của con người và tự nhiên trong một chỉnh thể sinh thái cân đối cũng như các hoạt động của con người tác động đến tự nhiên (kể cả tích cực và tiêu cực). Con người, trong cái nhìn của sinh thái học, vốn đã quá tự tin vào nền khoa học công nghệ của mình đến nỗi xem tự nhiên như một đối tượng thấp kém để cải tạo và chinh phục. Những gì thuộc về tự nhiên bị xem như thuộc về thế giới vô tri, ngu muội. Các nhà phê bình sinh thái đề xuất quan niệm về một vị trí khác cho con người: con người chỉ là một bộ phận của thế giới tự nhiên.

Dấu vết của các vấn đề sinh thái đã có mặt từ mấy thập niên trở lại đây trong các sáng tác của nhà văn Việt Nam như Sơn Nam, Nguyễn Quang Sáng, các truyện ngắn *Chảy đi sông ơi*, *Muối của rừng*, *Những bài học nông thôn* của Nguyễn Huy Thiệp, các tập truyện *Cánh đồng bất tận*, *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư... Xuất hiện trước những cây bút đương đại khá lâu, Đoàn Giỏi với *Những chuyện lạ về cá*, *Tê giác giữa ngàn xanh*, *Rừng đêm xào xạc* và cả *Đất rừng phương Nam* đã cho thấy những quan tâm nhất định của ông về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát các truyện của Đoàn Giỏi, đặc biệt đi sâu vào hai tác phẩm *Những chuyện lạ về cá* và *Rừng đêm xào xạc* để tái dựng con đường giải huyền thoại của

nhà văn đối với quan niệm “nhân loại trung tâm luận” của chủ nghĩa nhân văn, tiến đến “trái đất trung tâm luận” hay “tự nhiên trung tâm luận” của phê bình sinh thái.

2. Diễn trình của sinh thái môi trường trong truyện của Đoàn Giỏi

2.1. Từ “nhân loại trung tâm luận”...

Trong *Những chuyện lạ về cá*, cái nhìn nhân loại trung tâm luận vẫn còn rõ nét. Tác giả dường như vẫn xem tự nhiên như một đối tượng để khai thác, một vật mẫu cho các nghiên cứu của con người. “*Cá nhám: vây lưng hai cái, phía trước mỗi cái đều có một vây ngắn. Có vây hậu môn, cũng có một loại chỉ có một vây ở lưng. Cá mập: vây lưng hai cái, không có gai. Vây đuôi dài...*”. Trong cái nhìn này, con người đang lấy mình làm trung tâm để quan sát các loài cá với tư cách một hữu thể vô tri. Chính vì thế, tác giả nhìn loại cá phần lớn ở lợi ích kinh tế và giá trị thực phẩm của nó. Con người xem thiên nhiên như một đối tượng tiêu thụ hiển nhiên: “*To nhỏ, mùi vị khác nhau thật là hết sức phong phú và đa dạng. Từ con bé nhất như cá trắm – ngụ ý gắp một đĩa, và một miếng trắm con – bé cỡ đầu đĩa, mình dẹt, màu bạc... cá này kho như với lá gừng ăn rất bùi, rất béo...*”; “*Con cá bóng trắng này dài 2,4 mét đường kính vòng bụng 4 tác rưỡi. Riêng cái đầu (dùng búa bõ), hai mươi anh em vẫn phòng anh Gấm đem nấu cháo. Còn thân cá đem chia cho các bộ phận khác của cơ quan*”. Sống và tiêu thụ thiên nhiên vốn là mối quan hệ cơ bản giữa các loài sinh vật. Song, có sự khác biệt giữa sự tiêu thụ tự nhiên gắn với nhận thức về tầm quan trọng của tự nhiên đối với con người và sự tiêu thụ tự nhiên trong tâm thế xem tự nhiên như đối tượng thụ hưởng hiển nhiên. Trong cái nhìn thuần túy tiêu thụ đối với các loài cá, tác giả cho người đọc thấy được tâm thế chiếm hữu tự nhiên của chủ nghĩa nhân văn. Không chỉ thế, thiên nhiên còn trở thành đối tượng khai thác để tạo ra giá trị kinh tế cho con người. “*Đến tuổi bán được cá sấu khoảng trên dưới 10 năm, giá năm 1974 mỗi con là 300 đô la. Người Thái Lan nuôi cá sấu như nuôi gà, những con chết, họ dồn gòn để bán cho du khách... Hiện nay (1976) giá 60 đồng một thối lưng da cá sấu tại Sài Gòn*”. Con người, với cái nhìn nhân loại trung tâm luận

đã xã hội hóa thiên nhiên, biến chúng trở thành phương tiện sinh lợi của thương mại.

Một biểu hiện quan trọng của nhân loại trung tâm luận là hành động cải tạo và chinh phục tự nhiên. Trong *Những chuyện lạ về cá*, Đoàn Giỏi nhiều lần nhắc đến việc săn bắt các loài cá, từ những loài cá nhỏ đến cá mập, cá sấu. Đặc biệt là việc săn cá sấu được ông nhấn mạnh không chỉ trong tác phẩm này mà còn cả trong *Đất rừng phương Nam*. Suy nghĩ của An sau khi ông Hai hoàn thành việc bắt cá sấu của mình có thể xem như một tuyên ngôn của huyền thoại nhân loại trung tâm luận trong toàn bộ sáng tác của Đoàn Giỏi: “*Hỡi thiên nhiên dữ dội và nham hiểm, người hãy coi chừng. Không một sức mạnh nào ẩn chứa trong người mà con người không khuất phục nổi đâu!*”. Đó là quan điểm thường trực của chủ nghĩa nhân văn từ những quan niệm buổi đầu của nó trong xã hội nguyên thủy: thiên nhiên là đối tượng để con người chinh phục và chiếm lĩnh. “*Biển như một con thủy quái khổng lồ đời này qua đời khác không ngừng nổi lên tấn công, khiêu khích đất và rù rề thách thức con người hãy lao vào những cuộc đọ sức mới*” (*Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày*). Trong các tác phẩm trừu tượng của Hugo viết về đề tài “*Lao động biển cả*”, ta cũng bắt gặp tư tưởng này. Điểm chung của các sáng tác văn chương theo quan điểm triết lý “nhân loại trung tâm luận” là tập trung thể hiện thiên nhiên và con người trong mối quan hệ đối kháng và con người cần phải đấu tranh, chinh phục tự nhiên.

Bên cạnh đó, trong *Rừng đêm xào xạc*, ta thấy được mong muốn cải tạo thiên nhiên để phục vụ cuộc sống của con người: “*Tôi đã nói với ông là các ông cán bộ ở Tá Y tế về bảo rằng đất chỗ Bàu Sáu toàn lung, bàu, vũng... nó là cái gì quên rồi? À, nó là “sinh địa cảnh” rất thích hợp với sự phát triển của muối, vì vậy phải đốn hết cây, cải tạo thành đầm nuôi cá, nuôi tôm...*”. Đây chỉ là dự định. Nhưng cũng là hướng tư duy của con người hiện đại: đặt lợi ích con người lên trên lợi ích của tự nhiên, sẵn sàng phá vỡ cân bằng sinh thái nguyên sinh để phục vụ cuộc sống con người. Quá trình nhân loại hóa tự nhiên xây dựng một viễn cảnh tương lai tưởng chừng tốt đẹp – con người nghĩ rằng mình đang cải tạo chứ không tàn phá, song bất cứ sự tác động nào đến

tự nhiên xuất phát từ quyền lợi một phía của con người, không xét đến tự nhiên đều ảnh hưởng đến sự hài hòa sinh thái vốn có.

2.2. ... đến “tự nhiên trung tâm luận”

Đoàn Giỏi đưa ra những biểu hiện rất cụ thể về việc con người lấy mình làm trung tâm trong mối quan hệ với tự nhiên và trong các hoạt động liên quan đến nó. Và ông cũng đã đưa ra con đường giải huyền thoại của riêng mình để phản tư về chính tư duy nhân loại trung tâm luận đó. Trước hết, trong *Những chuyện lạ về cá*, câu chuyện về những thủy thủ man rợ xem việc tra tấn và giết cá mập làm trò vui có thể xem như một ẩn dụ về sự thức tỉnh của con người trong việc xem xét mối quan hệ giữa mình với tự nhiên. Trong mắt của người khách, thủy thủ là một “bọn quỷ sứ” và những con cá mập đáng thương lại có trái tim vẫn đập từng hồi ngay cả khi bị xẻ thịt phanh thây. Hành động của những người thủy thủ hướng ta đến ẩn dụ về sự tàn phá của con người đối với tự nhiên: xem tự nhiên như đối tượng chiếm hữu, như đối tượng mang lại lợi ích kinh tế và cuối cùng như một trò tiêu khiển. Ngược lại, trái tim cá mập mang đến cho chúng ta một nhận thức mới về thiên nhiên: chúng cũng là những sinh vật như con người, thậm chí, trong trường hợp này còn hơn con người – chúng có một trái tim với sức sống mãnh liệt khác với sự khát máu của bọn thủy thủ. “*Trái tim con cá mập bị nhục hình, mà thân xác nó đang tiêu hóa dần trong dạ dày những con nhỏ khác dưới biển kia, trái tim ấy nằm đó, vẫn đập... đập... và còn cứ đập...*”. Chi tiết này cũng xuất hiện trong tác phẩm *Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày*. Song chính vì viết về một người tù cách mạng nên hình ảnh trái tim cá mập trong tác phẩm này nhiều phần ẩn dụ cho bản chất tàn ác của thực dân (từ nét tương đồng với đặc điểm của loài cá được mệnh danh là sát thủ đại dương): “*Bọn đế quốc tư bản cũng vậy. Chẳng những đối với dân thuộc địa, mà người dân xứ nó, nó cũng cư xử tàn bạo chẳng kém gì...*”. Có thể nhận thấy, cùng một hình ảnh mà trong hai tác phẩm, Đoàn Giỏi đã đưa ra những cách lý giải khác nhau: một phía là lấy tự nhiên để đối sánh với con người – tự nhiên xuất hiện không hề là tự nhiên mà chỉ là một cái vỏ ngôn từ

chứa lấy hình ảnh con người (Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày), một phía là lấy tự nhiên để nói về chính mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Mỗi bận tâm chuyển từ vấn đề chính trị, cách mạng sang vấn đề tự nhiên luận. Tuy nhiên, nhận thức về mối quan hệ giữa tự nhiên và con người này phần nhiều xuất phát từ nền tảng đạo đức nhiều hơn xuất phát từ chính mối quan hệ của con người với tự nhiên. Hành động tàn sát vượt quá những niềm tin về đạo đức con người đã đưa đến việc thương xót tự nhiên, một “trạng thái đồng cảm tương liên người - thú” [5], và niềm thương xót này, dấu sao vẫn là của một “bề trên”.

Sự thay đổi nhận thức về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong tác phẩm của Đoàn Giỏi tiến thêm một bước trong việc xét đến vị trí của con người với môi trường sinh thái. Không gian tồn tại gắn bó mật thiết với nhận thức của con người. Một trong những mục đích quan trọng của con người trong không gian xã hội là xác lập địa vị của mình, và điều đó cũng đúng với không gian sinh thái tự nhiên. Tuy nhiên, trong không gian sinh thái, con người không xác lập vị trí của mình mà xác định vị trí của mình. Bởi vị trí đó vốn đã là một trạng thái tự nhiên từ thuở nguyên sơ. Không gian sinh thái trong *Những chuyện lạ về cá* và *Rừng đêm xào xạc* gói gọn vào hai không gian chính: không gian hoang dã (wilderness) và không gian cận-hoang dã – tức không gian hoang dã có con người sinh sống. Không gian hoang dã xuất hiện chủ yếu trong *Những chuyện lạ về cá*, đó là không gian tự nhiên của các loài cá – các dòng sông trên thế giới, các vùng biển... Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy không gian cận - hoang dã được nhắc đến với cái nhìn sâu sắc hơn, biểu hiện rõ nét suy tư của nhà văn về mối quan hệ giữa con người với môi trường sinh thái. Trong *Rừng đêm xào xạc*, môi trường tự nhiên không phải là đối tượng để con người chiếm hữu mà là đối tượng chứa đựng con người. Con người sinh ra trong tự nhiên (rừng U Minh). Con người sống và chiến đấu trong tự nhiên, dựa vào tự nhiên: “*Tất cả các ngôi nhà vùng biển này, xưa nay đều dựng lên toàn bằng cây đước. Cho tới rặng phoi lưới, cột đáy sông, cột đáy bàng khơi... những cây*

cầu khỉ đi lại trong áp và những con đường nối nhau chạy ngoằn ngoèo, ngang dọc và sâu trong các làng rừng hồi những năm đánh Mỹ...". Điều này thể hiện rõ hơn trong *Đất rừng phương Nam*: *"Hai vợ chồng che một túp lều bên cây tràm độc chiếu, để lấy nơi làm phương hướng tìm về... Họ làm đủ các thứ nghề để sinh sống qua ngày, từ chõ ướm mù sương làm chướng khí, chung quanh chỉ còn nghe tiếng vượn hú, tiếng beo gặm. Dù phải chịu đựng không biết bao gian nan cơ cực nhưng cuộc sống của họ thành thoi, để chịu hơn lúc còn chung đụng với những con người đã cầm vận mệnh họ trong tay trước kia".* Sống giữa đời người, hai vợ chồng ông Hai chịu nhiều phen nguy khốn, bôn ba chìm nổi, chỉ khi về với thiên nhiên, với rừng già, họ mới có được sự bình yên, thanh thản. Khuynh hướng về với tự nhiên là một cảm thức rất thường thấy trong đời sống tinh thần của người phương Đông lẫn phương Tây: từ những bậc hiền nhân ẩn sĩ ngày xưa, đến mong muốn điền viên, cảm thức từ mảnh đất đời người về với rừng xanh đất mẹ trong sáng tác của các nhà văn Nga (rõ nhất là tác phẩm *Trên mảnh đất đời người* của Anatoli Stepanovich Ivanov).

Không chỉ thế, thiên nhiên còn là không gian chứa đựng kỷ niệm sống của con người, là nhân tố tác động nên những biến cố trong đời người: *"Ngẫu nhiên nào khiến xui nên cuộc tìm gặp dưới cội mắm bên rừng Bàu Sấu, để từ đó ơn cứu tử kết chặt hai tâm lòng tha hương thành một khối tình?... Chỉ có những cội mắm xưa bên Bàu Sấu còn lại thành cổ thụ vẫn đứng trầm ngâm đó".* Thiên nhiên bọc lấy con người, trải qua những thảm họa chiến tranh cùng con người, như con người: *"Sợ cá trê bị ngấm chất độc thứ gì đen thui, thấy phát sợ. Rừng chết, cỏ cây muông thú đều chết thì con người sống vào đâu!... Đước, vẹt, giá, dà, tràm, chà là, dừa nước... tất cả mọi thứ cây rừng đều chết..."*. Lời nói của nhân vật Tám Mun cho thấy nhận thức trực quan của ông về vị trí của mình và tự nhiên – con người không thể sống thiếu tự nhiên! Lời trần trối của vợ Tám Mun càng khẳng định hơn nữa nhận thức đó: *"Gi thì gì, tía con mày cũng phải gáp gáp trồng lại rừng đi. Chuyện sống chết như chuyện đánh Mỹ đó".* Là "như" chuyện đánh Mỹ - tức dù cho không có cuộc chiến tranh này đi nữa, thì việc mất rừng

cũng sẽ mang đến những hậu quả ghê gớm. Đặt việc trồng rừng, khôi phục tự nhiên ngang với việc chiến đấu gìn giữ đất nước và sinh mệnh nhân dân, thông qua nhân vật của mình, Đoàn Giỏi đã một lần nữa khẳng định vai trò chủ chốt của tự nhiên trong sự tồn sinh của con người. Con người chỉ là một mắt xích trong sinh quyển hài hòa. Giữ gìn cân bằng sinh thái cũng là gìn giữ sự tồn tại của con người và tất cả các hữu thể phi nhân khác. Đến đây, thông qua các biến cố (biến cố của cá nhân, biến cố của đất nước...), nhà văn đã lật đổ quan điểm lấy con người làm trung tâm thế giới, xác lập một cái nhìn tự nhiên trung tâm luận.

Từ quan niệm *"thế giới tự nhiên được nhìn thấy chủ yếu như là một nguồn tài nguyên cho con người"* tiến đến cái nhìn về vị trí chủ đạo của tự nhiên đối với đời sống sinh thái trên trái đất, Đoàn Giỏi hoàn thiện con đường giải huyền thoại của mình bằng việc cho thấy những nỗ lực của con người trong việc phục hồi tự nhiên, sửa chữa sai lầm của chủ nghĩa nhân văn kiêu ngạo. Chúng tôi khảo sát điều này trong mối quan hệ giữa các thần thoại được nhắc đến trong hai tác phẩm *Những chuyện lạ về cá* và *Rừng đêm xào xạc*. Trong *Những chuyện lạ về cá*, các thần thoại về ma cá sấu, về những con mực ma,... là một cách ngụ biện của con người nhằm phủ nhận sự sợ hãi của mình trước sức mạnh của tự nhiên. Con người phủ màu thần thoại, kỳ bí lên các đối tượng tự nhiên mà bản thân chưa biết rõ để từ chối sự nhỏ bé của mình trước thiên nhiên, khư khư giữ lấy vị trí trung tâm của mình. Đến *Rừng đêm xào xạc*, thần thoại về tự nhiên cũng xuất hiện nhưng ở một vị trí khác, với một vai trò khác. *"Đêm đó, ông nằm chiêm bao thấy có người đàn bà bỏ tóc xõa, tay bông con thơ, dắt theo một đám con nít đông lắm. Người đàn bà quỳ xuống, kêu khóc thảm thiết cầu xin ông cứu sống. Ông giật mình thức dậy, nhớ lại bấy rai cá lúc ban ngày..."*. Motype động vật báo mộng vốn thường thấy trong văn học cổ được đưa vào tác phẩm đã được diễn giải theo một cách khác, rất đúng với cách diễn giải của chủ nghĩa phê bình sinh thái. *"Con chỉ còn thêm là ở Bàu Sấu hiện còn nhiều cây cổ thụ, còn nhiều muông thú hiếm sống sót..."*. Từ chỗ dùng thần thoại để phủ

nhận sức mạnh của tự nhiên và sự yếu đuối của mình, con người chuyển sang dùng thần thoại để khơi gợi sự tương đồng giữa con người và tự nhiên nhằm xem xét đến sự sống của giới phi nhân trong các hoạt động của mình. Từ chỗ nhân loại hóa tự nhiên, con người đã bắt đầu thiên nhiên hóa vị trí của mình. Ta cũng nhận thấy quá trình giải huyền thoại này trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Ở truyện ngắn *Chạy đi sông ơi*, dễ dàng nhận ra tác giả muốn từ một huyền thoại về con trâu thần đưa con người trở về với hiện thực khốc liệt và tàn nhẫn. Lời ca ai oán như lời kinh cầu cho con người chơ vơ trước thực tế trần trụi về thân phận của chính mình - chỉ là một thực thể bé nhỏ trong thiên nhiên vô tận: “*Chạy đi sông ơi/ Băn khoăn làm gì?/ Rồi sông đã hết/ Anh hùng còn chi?*”. Hướng giải huyền thoại của Nguyễn Huy Thiệp như thế là một sự lật đổ vị trí con người từ trung tâm thế giới trở thành một thực thể bị cuốn xiết trong tự nhiên nghiệt ngã. Đoàn Giỏi không thể, bằng con đường thần thoại, ông giải huyền thoại của chủ nghĩa nhân văn từ chỗ lấy con người làm trung tâm, đặt con người và thiên nhiên trong thế đối kháng đến chỗ xem xét con người và tự nhiên trong mối quan hệ hòa đồng của nó. Nguyễn Huy Thiệp “lật đổ”, Đoàn Giỏi tìm “hòa bình”.

3. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi đã thử trình bày sự giải huyền thoại nhân văn chủ nghĩa và tiến đến quan điểm tự nhiên trung tâm luận hay trái đất trung tâm luận bằng cách xem xét mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong sinh giới qua các truyện của Đoàn Giỏi. Song, ngay cả trong *Rừng đêm xào xạc* là tác phẩm mà nhãn quan sinh thái luận được đề cao một cách đầy ý thức thì sự đấu tranh để gìn giữ cân bằng sinh thái vẫn là một cuộc chiến còn chưa có hồi kết. “*Những chi rẽ vừa kịp lớn lên như những cánh tay thò ra bám đất, giữ cho cây đứng vững giữa bùn lầy thì thằng Mỹ thả sừng mù hóa học xuống. Rồi út Thảo lại bơi xuống ra sông vớt từng trái được trôi, ki cốp trở về trồng lớp khác. Trời ơi, nó kiên nhẫn còn hơn con dã tràng mà*” (*Rừng đêm xào xạc*). Nhà văn một mặt thay đổi nhận thức của chúng ta về môi sinh, một mặt gieo niềm hi vọng về một sự thay đổi của con người song cũng cảnh báo chúng ta về sự cam go của cuộc đấu tranh gìn giữ và phục hồi thế giới tự nhiên. Nhưng dù thế nào, đó cũng là định mệnh của chúng ta, sứ mạng của chúng ta, vì sự tồn tại dài lâu của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Timothy C., 2011. *The Cambridge Introduction to Literature and the Environment*. Cambridge University Press.
- [2] Dương Ngọc Dũng, 2005. *Huyền thoại và giải huyền thoại trong tư tưởng của Roland Barthes*, http://triethoc.edu.vn/vi/truong-phai-triet-hoc/thuyet-cau-truc/huyen-toai-va-giai-huyen-toai-trong-tu-tuong-roland-barthes_640.html, ngày truy cập: 20/12/2016.
- [3] Grossman E., 2010. Nguyễn Thị Từ Huy dịch, *Tinh phi nhân hiện đại*. <http://vietvan.vn/vi/bvct/id1390/Tinh-phi-nhan-hien-dai/>, ngày truy cập: 20/12/2016.
- [4] Đoàn Giỏi, 2005. *Tuyển tập*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [5] Đặng Thái Hà, 2015. *Bước đầu tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp từ điểm nhìn phê bình sinh thái*. <http://vietvan.vn/vi/bvct/id3683/Buoc-dau-tim-hieu-truyen-ngan-Nguyen-Huy-Thiep-tu-diem-nhin-phe-binh-sinh-thai/>, ngày truy cập: 20/12/2016.
- [6] Gaarder J., 2015. Trần Minh Châu dịch, *Thế giới của Sophie*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [7] Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Lưu Oanh, 2016. *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Barthes R., 2009. Phùng Văn Tửu dịch, *Những huyền thoại*, NXB Tri thức, Hà Nội.